

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2010

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ
và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ như sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn về kê khai giá cước, niêm yết giá cước vận tải bằng xe ô tô; giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý và thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

4. Thời điểm kê khai giá cước:

Thời điểm kê khai giá cước ít nhất 03 (ba) ngày trước khi đơn vị kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ theo giá mới.

a) Kê khai giá cước lần đầu được thực hiện khi đơn vị kinh doanh vận tải bắt đầu tham gia kinh doanh vận tải bằng ô tô hoặc lần đầu thực hiện kê khai giá cước theo quy định tại Thông tư này.

b) Kê khai lại giá cước được thực hiện khi đơn vị kinh doanh vận tải điều chỉnh tăng hoặc giảm giá cước so với mức giá của lần kê khai trước liền kề.

5. Hình thức kê khai giá cước:

Đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện dưới hình thức gửi văn bản kê khai giá cước cho cơ quan tiếp nhận kê khai giá

a) Đối với giá cước do đơn vị vận tải tự quy định: đơn vị kê khai theo mức giá do đơn vị quy định theo các nguyên tắc, phương pháp tính giá do Nhà nước quy định hoặc hướng dẫn

phù hợp với chất lượng dịch vụ, điều kiện áp dụng giá cước (hoặc mức giá cước mà đơn vị kinh doanh vận tải đã thỏa thuận được với khách hàng).

b) Giá cước kê khai là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (trừ vận tải khách bằng xe buýt).

6. Nội dung kê khai giá cước:

a) Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định: Kê khai giá cước trên các tuyến vận chuyển cố định của đơn vị (đồng/hành khách); giá cước vận chuyển hàng hóa theo xe khách (đồng/kg)

b) Vận tải hành khách bằng xe buýt: Kê khai giá cước (đồng/lượt hành khách), kê khai giá cước vé tháng áp dụng cho các đối tượng (đồng/vé/tháng) trên các tuyến vận tải xe buýt của đơn vị.

c) Vận tải hành khách bằng xe taxi: Kê khai theo hình thức tính giá cước của đơn vị. Cụ thể là: giá cước ki lô mét đầu, giá cước của từng cự ly hay ki lô mét tiếp theo; giá cước theo chuyến; giá cước thời gian chờ đợi ...

d) Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô: Kê khai theo hình thức tính giá cước của đơn vị. Cụ thể là: giá cước theo ngày xe (đồng/ngày) và theo giá cước ki lô mét lăn bánh (đồng/km); giá cước thời gian chờ đợi (nếu có). Trường hợp khoán gọn theo hợp đồng dịch vụ thì thực hiện kê khai giá dịch vụ theo ngày, chuyến ...

đ) Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô: Kê khai theo hình thức tính giá cước của đơn vị. Cụ thể là: Kê khai giá cước bình quân (đồng/km), giá cước vận chuyển Container (đồng/cont 20'. Km /40'. km); hoặc giá cước trên một số tuyến

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền, các tổ chức có Liên quan trong quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ kinh doanh tham gia kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (sau đây gọi chung là đơn vị kinh doanh vận tải) và kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (sau đây gọi chung là đơn vị kinh doanh dịch vụ) trên lãnh thổ Việt Nam

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1: Kê khai giá cước, niêm yết giá cước vận tải bằng xe ô tô

Điều 3. Kê khai giá cước vận tải bằng xe ô tô

1. Kê khai giá cước vận tải bằng xe ô tô (bao gồm kê khai lần đầu và kê khai lại) là việc đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện công khai giá cước vận tải bằng xe ô tô do đơn vị cung cấp theo từng loại hình vận tải với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận kê khai quy định tại Điều 10 Thông tư này. Đơn vị kinh doanh vận tải có cơ sở (hoặc trụ sở chi nhánh) đóng tại địa phương nào thì thực hiện kê khai giá cước với cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai tại địa phương đó.

Biểu mẫu kê khai giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này. Trường hợp đơn vị vận tải đã ban hành biểu cước cụ thể của đơn vị thì gửi kèm biểu cước nói trên cùng với Biểu mẫu kê khai giá.

2. Danh mục dịch vụ kinh doanh vận tải thực hiện kê khai giá cước:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

3. Đối tượng kê khai giá cước:

Đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo danh mục quy định tại khoản 2 Điều này phải thực hiện kê khai giá cước. Danh sách cụ thể do Sở Giao thông vận tải thông báo phù hợp với từng thời kỳ vận chuyển chủ yếu của đơn vị theo loại hàng và cự ly vận chuyển (đồng/tấn), giá cước vận chuyển Container (đồng/cont 20' /40').

Điều 4. Niêm yết giá cước vận tải bằng xe ô tô

1. Niêm yết giá cước vận tải bằng xe ô tô là việc các đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện công khai giá cước vận tải ô tô do đơn vị cung cấp với khách hàng.

2. Đối tượng thực hiện niêm yết giá cước:

Tất cả các đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô phải thực hiện niêm yết giá cước.

Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải ký hợp đồng ủy thác cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe (hoặc đại lý bán vé khác) bán vé vận tải khách đi xe của đơn vị mình thì đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe (hoặc đại lý bán vé khác) phải thực hiện niêm yết giá cước.

3. Niêm yết giá cước vận tải theo các hình thức: thông báo công khai (trên bảng, trên giấy hoặc bằng các hình thức khác được đặt, để, treo, dán) tại nơi bán vé nơi giao dịch, mặt ngoài hoặc bên trong phương tiện, thuận tiện cho việc quan sát của khách hàng. Khuyến khích đơn vị thông báo công khai giá cước vận tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Hình thức niêm yết giá cước bắt buộc:

Trong các hình thức niêm yết giá cước quy định tại khoản 3 Điều này, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách bằng xe buýt bắt buộc phải thực hiện hình thức niêm yết sau đây:

a) Đối với vận tải hành khách theo tuyến cố định: niêm yết tại nơi bán vé, ở mặt ngoài thành xe phía bên trái gần cánh cửa trước và bên trong xe nơi hành khách dễ quan sát.

b) Đối với vận tải hành khách bằng xe buýt: niêm yết ở mặt ngoài thành xe phía bên trái gần cánh cửa trước và bên trong xe nơi hành khách dễ quan sát.

c) Đối với vận tải hành khách bằng taxi: niêm yết ở mặt ngoài cánh cửa xe và bên trong xe phía dưới vị trí gắn đồng hồ tính tiền.

d) Mẫu thông tin niêm yết giá cước bắt buộc quy định tại Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư này.

5. Giá cước niêm yết:

a) Đối với giá cước do đơn vị kinh doanh vận tải quy định:

Các đơn vị thuộc đối tượng kê khai giá thì niêm yết theo mức giá đã kê khai; riêng giá cước vận tải hành khách theo tuyến cố định và giá cước vận tải hành khách bằng xe buýt, giá cước niêm yết là giá đã kê khai và đăng ký lưu hành vé.

- Các đơn vị không thuộc đối tượng kê khai giá thì niêm yết theo mức giá do đơn vị quy định.

- Các đơn vị kinh doanh vận tải không được thu cao hơn giá cước niêm yết

b) Đối với giá cước vận tải ô tô do Nhà nước quy định, đơn vị kinh doanh vận tải niêm yết đúng mức giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và phải thu cước theo đúng mức giá cước niêm yết.

Mục 2. Giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ

Điều 5. Danh mục dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ

1. Dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ bao gồm: Dịch vụ tại bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, đại lý vận tải, đại lý bán vé, dịch vụ thu gom hàng, dịch vụ chuyển tải, dịch vụ kho hàng, dịch vụ cứu hộ vận tải đường bộ.

2. Quy định cụ thể về dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 6. Dịch vụ tại bến xe ô tô

1. Dịch vụ tại bến xe ô tô gồm:

- a) Dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô;
- b) Dịch vụ cho thuê nơi đỗ xe ô tô qua đêm;
- c) Dịch vụ cho thuê mặt bằng kinh doanh trong bến xe;
- d) Dịch vụ khác tại bến xe.

2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô:

a) Thẩm quyền quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ vào loại bến xe ô tô để quy định khung giá hoặc mức giá cụ thể đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn.

b) Đơn vị tính giá dịch vụ là đồng/chuyến-xe hoặc đồng/tháng-xe. Mức giá dịch vụ có phân biệt theo số ghế thiết kế của xe, theo hình thức kinh doanh (xe chạy tuyến cố định có tính đến cự ly tuyến vận chuyển, xe buýt, xe trung chuyển hành khách, xe vận chuyển hàng hoá, xe taxi ra, vào bến xe để đón trả hành khách hoặc bốc, dỡ hàng hoá

c) Nguyên tắc, căn cứ xác định giá dịch vụ: Thực hiện theo Quy chế tính giá hàng hóa, dịch vụ do Bộ Tài chính ban hành.

d) Trình tự thủ tục lập phương án giá, thẩm định và ban hành giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Tài chính hoặc Sở Giao thông vận tải là cơ quan chủ trì trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe trên cơ sở các phương án giá do doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác bến xe lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư này.

Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá.

3. Giá dịch vụ tại bến xe ô tô (trừ dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô; các dịch vụ được điều chỉnh bởi Pháp lệnh Phí và lệ phí):

a) Đơn vị kinh doanh dịch vụ quy định giá dịch vụ bảo đảm nguyên tắc bù đắp chi phí thực tế hợp lý và phù hợp với thị trường địa phương; đồng thời thực hiện niêm yết giá dịch vụ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác bến xe phải thực hiện kê khai giá đối với dịch vụ thuê mặt bằng kinh doanh trong bến xe. Trình tự thủ tục kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

c) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc bổ sung danh mục cụ thể dịch vụ tại bến xe ô tô vào danh mục dịch vụ phải thực hiện kê khai giá tại địa bàn địa phương.

Điều 7. Giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (trừ dịch vụ tại bến xe ô tô quy định tại Điều 6 Thông tư này và các dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh phí và lệ phí).

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ quy định giá dịch vụ bảo đảm nguyên tắc bù đắp chi phí thực tế hợp lý và phù hợp với thị trường địa phương; đồng thời thực hiện niêm yết giá dịch vụ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, trong trường hợp cần thiết thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc bổ sung danh mục cụ thể dịch vụ hỗ trợ vận tải vào danh mục dịch vụ phải thực hiện kê khai giá tại địa bàn địa phương. Trình tự, thủ tục kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Đối với dịch vụ đại lý bán vé: Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh khai thác bến xe khi thực hiện dịch vụ bán vé cho các đơn vị kinh doanh vận tải được hưởng hoa hồng bán vé theo số lượng vé, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 8. Trình tự thủ tục kê khai giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ lập Biểu mẫu kê khai giá các dịch vụ thuộc đối tượng kê khai gửi đến cơ quan tiếp nhận kê khai giá quy định tại Điều 10 Thông tư này. Biểu mẫu kê khai giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này.

2. Thời điểm kê khai giá cước:

Thời điểm kê khai giá dịch vụ ít nhất 03 (ba) ngày trước khi đơn vị kinh doanh dịch vụ cung cấp dịch vụ theo giá mới.

a) Kê khai giá lần đầu được thực hiện khi đơn vị kinh doanh dịch vụ bắt đầu tham gia kinh doanh hoặc lần đầu thực hiện kê khai giá theo quy định tại Thông tư này.

b) Kê khai lại giá dịch vụ được thực hiện khi đơn vị kinh doanh dịch vụ điều chỉnh tăng hoặc giảm giá dịch vụ so với mức giá của lần kê khai trước liền kề

Điều 9. Niêm yết giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ

1. Đối tượng thực hiện niêm yết giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ:

Tất cả các đơn vị kinh doanh dịch vụ phải thực hiện niêm yết giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ do đơn vị cung cấp với khách hàng.

2. Hình thức niêm yết giá dịch vụ:

Đơn vị kinh doanh dịch vụ thực hiện niêm yết giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ thông báo công khai (trên bảng, trên giấy hoặc bằng các hình thức khác được đặt để, treo, dán) tại nơi bán vé, nơi giao dịch, đảm bảo thuận tiện cho việc quan sát của khách hàng sử dụng dịch vụ. Khuyến khích đơn vị thông báo công khai giá dịch vụ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU HÀNH THI HÀNH**

Điều 10. Tiếp nhận và xử lý Biểu mẫu kê khai giá

1. Sở Tài chính là cơ quan chủ trì, Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế là cơ quan phối hợp, mỗi cơ quan tiếp nhận 01 (một) Biểu mẫu kê khai giá của các đơn vị kê khai:

2. Khi nhận được Biểu mẫu kê khai giá, cơ quan tiếp nhận kê khai giá không thực hiện phê duyệt giá kê khai của đơn vị, chỉ ghi ngày, tháng, năm nhận văn bản và đóng dấu đến vào Biểu mẫu kê khai giá theo thủ tục hành chính. Đồng thời thực hiện việc rà soát mức giá kê khai; nếu phát hiện Biểu mẫu kê khai giá của đơn vị kê khai chưa đầy đủ theo quy định, hoặc có nội dung chưa rõ ràng, hoặc mức giá kê khai không hợp lý thì cơ quan chủ trì tiếp nhận có văn bản thông báo rõ nội dung và yêu cầu đơn vị kê khai giá giải trình hoặc kê khai

Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài chính:

a) Thực hiện và chịu trách nhiệm về quản lý giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Cục thuế địa phương tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá, rà soát và có ý kiến bằng văn bản trong trường hợp yêu cầu đơn vị phải hoàn chỉnh Biểu mẫu kê khai hoặc kê khai lại theo quy định tại Thông tư này.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Cục thuế địa phương hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện giá cước vận tải đường bộ, giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

d) Định kỳ vào tháng 01 hàng năm hoặc trường hợp đề xuất khi có biến động về giá cước vận tải và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ tại địa phương hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Tổng hợp mức giá kê khai của các đơn vị thuộc địa phương quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải.

2. Sở Giao thông vận tải:

a) Thực hiện và chịu trách nhiệm về quản lý giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

b) Phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh tại địa phương cập nhật danh sách các đơn vị kinh doanh dịch vụ, các đơn vị kinh doanh vận tải đã đăng ký kinh doanh có trụ sở (hoặc trụ Sở Chi nhánh) đóng trên địa bàn địa phương; Thông báo và gửi đến Sở Tài chính, Cục thuế và đơn vị liên quan danh sách cụ thể đơn vị kinh doanh dịch vụ, kinh doanh vận tải đóng trên địa bàn địa phương thuộc đối tượng phải thực hiện kê khai giá phù hợp với từng thời kỳ.

c) Phối hợp với Sở Tài chính và Cục Thuế địa phương hướng dẫn và kiểm tra việc chấp hành quy định tại Thông tư này.

3. Cục thuế địa phương:

Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Giao thông vận tải hướng dẫn và kiểm tra việc chấp hành quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam:

a) Tổ chức phổ biến tới các đơn vị kinh doanh vận tải ô tô các quy định về kê khai giá cước và niêm yết giá cước tại thông tư này.

b) Kịp thời tập hợp các vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các quy định về giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ của đơn vị kinh doanh vận tải ô tô để kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết.

5. Đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị kinh doanh dịch vụ:

a) Chấp hành quy định về giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ tại Thông tư này, quy định của pháp luật về quản lý giá và quy định khác của pháp luật có Liên quan.

b) Có trách nhiệm kê khai giá cước vận tải, giá dịch vụ của mình theo quy định tại Thông tư này.

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ vận tải, hỗ trợ vận tải theo mức giá đã kê khai theo quy định của pháp luật; phải công bố công khai thông tin về giá và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và sự phù hợp đối với các mức giá đã kê khai.

d) Chịu trách nhiệm giải trình hoặc kê khai lại giá nếu cơ quan chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá phát hiện mức giá kê khai không hợp lý và có văn bản yêu cầu đơn vị kê khai giải trình hoặc kê khai lại theo quy định trừ khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

đ) Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến mức giá đã kê khai, niêm yết và mức giá thực tế cho cơ quan có thẩm quyền khi tổ chức thanh tra, kiểm tra.

Điều 12. Kiểm tra tình hình thực hiện kê khai giá, niêm yết giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ

1. Việc kiểm tra chấp hành các quy định về thực hiện kê khai giá, niêm yết giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành có Liên quan.

2. Các đơn vị không chấp hành việc kê khai giá, niêm yết giá hoặc có hành vi vi phạm quy định về lập phương án giá, kê khai giá, niêm yết giá thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền xử phạt cụ thể, trình tự, thủ tục xử phạt thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký; bãi bỏ điểm 2, 3, 4 và 5 mục II Thông tư liên tịch số 86/2007/TTLT/BTC-BGTVT ngày 18/7/2007 của liên Bộ: Tài chính - Giao thông vận tải Hướng dẫn về mẫu vé xe khách; kê khai giá cước, niêm yết giá cước và kiểm tra thực hiện giá cước vận tải bằng ô tô. Các nội dung khác của Thông tư liên tịch số 86/2007/TTLT/BTC-BGTVT ngày 18/7/2007 không được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này vẫn có hiệu lực thi hành.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải), Cục Quản lý Giá (Bộ Tài chính) trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỨ TRƯỞNG

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG

Lê Mạnh Hùng

Trần Văn Hiếu

PHỤ LỤC SỐ 1: MẪU PHƯƠNG ÁN GIÁ

**(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT/BTC-BGTVT
ngày 27/8/2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ:

Tên đơn vị kinh doanh dịch vụ:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số Fax:

Tháng ... năm ...

**Tên đơn vị kinh doanh
dịch vụ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

V/v giá dịch vụ xe ra, vào bến xe
ô tô

Kính gửi: (tên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định
phương án giá, quy định giá dịch vụ xe ra vào bến xe ô tô)

Thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

...(tên đơn vị đề Nghị định giá, điều chỉnh giá) đã lập phương án giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô (có phương án giá kèm theo).

Đề nghị ... (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá) xem xét, quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô theo quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị kinh doanh
dịch vụ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ:

Đơn vị cung ứng:

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ DỊCH VỤ

STT	Chỉ tiêu tính toán	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
I	Sản lượng			
II	Chi phí			
1	Lương			
2	BHXH, BHYT, BHTN, KFCĐ			
3	Năng lượng...			
4	Khấu hao cơ bản			
5	Sửa chữa lớn			
6	Sửa chữa thường xuyên			
7	Thuế đất			
8	Chi phí quản lý			
9	Trả lãi vay (nếu có)			
	...			
	Tổng chi phí			
III	Lợi nhuận dự kiến			
IV	Tổng chi phí và lợi nhuận dự kiến			
V	Thuế GTGT			
VI	Giá dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT)			

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN CHI PHÍ

1. Sản lượng
2. Chi phí lương
3. BHXH, BHYT, BHTN, KFCĐ
4. Chi phí năng lượng
5. KHCB, SCL, SC thường xuyên
6. Thuế đất
7. Chi phí quản lý
8. Trả lãi vay (nếu có)

...

PHỤ LỤC SỐ 2: BIỂU MẪU KÊ KHAI GIÁ

**(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT/BTC-BGTVT
ngày 27/8/2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải)**

Phụ lục 2 a

Tên đơn vị kê khai giá

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

V/v kê khai giá

Kính gửi: - Sở Tài chính;

- Sở Giao thông vận tải;

- Cục thuế;

Thực hiện quy định tại Thông tư Liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-GTVT ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

...(tên đơn vị kê khai) gửi Bảng kê khai mức (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày .../.../....

Bảng kê khai giá gửi kèm theo công văn này sẽ thay thế cho Bảng kê khai giá kèm theo công văn số .../... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có).

...(nội dung khác có liên quan đến Bảng kê khai giá và mức giá kê khai).

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

Nhu trên;

Lưu:

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu kê khai
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá
ghi ngày, tháng, năm nhận được và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

BẢNG KÊ KHAI GIÁ**(Kèm theo công văn số/..... ngày :.../...../ của)**

1. Tên đơn vị thực hiện kê khai giá:
2. Trụ sở (nơi đơn vị đăng ký kinh doanh):
3. Số điện thoại/fax:
4. Giấy chứng nhận kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm
5. Loại hình vận tải, dịch vụ kê khai: Mỗi loại hình kinh doanh vận tải, kinh doanh dịch vụ kê khai 1 bản riêng.
6. Nội dung kê khai theo từng loại hình vận tải, loại hình dịch vụ:

STT	Tên dịch vụ cung ứng	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai liên kê trước	Mức giá kê khai lại	% tăng hoặc giảm	Ghi chú

7. Thời điểm áp dụng: ... giờ ngày ... tháng ... năm ...

Ghi chú: Đơn vị có thể bổ sung các chỉ tiêu khác phù hợp với từng loại hình vận tải dịch vụ như: điều kiện áp dụng các mức giá...

8. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm giá kê khai.

.....

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận HS kê khai;
- Lưu: đơn vị.

Thủ trưởng đơn vị*(Ký tên đóng dấu)*

PHỤ LỤC SỐ 3. MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ CƯỚC BẮT BUỘC
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT/BTC-BGTVT
ngày 27/8/2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải khách theo tuyến cố định:

1.1. Bảng niêm yết tại nơi bán vé:

BẢNG GIÁ CƯỚC VẬN TẢI KHÁCH THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH		
Bến xe khởi hành:.....		
Địa danh đến (Tỉnh, thành phố)	Bến đến	Giá cước (đồng/HK)
.....		
.....		
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và Bảo hiểm hành khách		

1.2. Bảng niêm yết mặt ngoài thành xe:

GIÁ CƯỚC	
Tuyến đường:.....	
Bến đi....., Bến đến:.....	
GIÁ CƯỚC 1 LUỘT: đồng/HK
Ghi chú: giá cước đã bao gồm Bảo hiểm hành khách	

2. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải khách bằng xe buýt:

GIÁ CƯỚC	
Số hiệu tuyến:	
GIÁ CƯỚC 1 LUỘT: đồng/HK
GIÁ CƯỚC THÁNG: đồng/HK
Ghi chú: Giá cước đã bao gồm Bảo hiểm hành khách	

3. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải khách bằng taxi:

GIÁ CƯỚC - TAXI FARE	
(Giá cước đã bao gồm thuế GTGT)	
..... đồng	Đơn vị tính
..... đồng	Đơn vị tính
.....	

Bảng niêm yết giá cước vận tải khách bằng xe taxi ở mặt ngoài cánh cửa xe có diện tích tối thiểu là 500cm².

4. Ngoài những thông tin nêu trên, đơn vị niêm yết giá cước có thể bổ sung các thông tin cần thiết khác./.